

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/12/2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Quốc Thanh
2. Ông Hà Danh Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị TH, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tổ 1, ấp 6, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ 5, ấp 7, xã HB, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị TH trình bày:

Về hôn nhân: Chị Th đăng ký kết hôn với anh Nguyễn T vào ngày 12/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã HB. Hôn nhân tự nguyện không có ai ép buộc. Vợ chồng chị chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi ma túy đá và thường xuyên đánh chị. Ngày 08/6/2020 anh T được đưa đi cai nghiện về vẫn tiếp tục chơi ma túy đá không lo cho kinh tế gia đình, không lo cho vợ con. Vợ chồng chị không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, đã cùng nhau hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng vẫn không thành. Hiện tại chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 8/2021 đến nay

không còn quan hệ gì về mặt tình cảm lẫn kinh tế. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị Th và anh T có hai con chung là Nguyễn Hưng B, sinh ngày 26/6/2015 và Nguyễn Thị Thanh C, sinh ngày 04/12/2016. Hiện nay hai con chung đang sống với Chị Th, chị yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/12/2021 bị đơn anh Nguyễn T trình bày: Hiện nay anh T đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên không thể tham gia phiên tòa. Anh có nguyện vọng giao hai con cho Chị Th nuôi dưỡng với điều kiện sau khi ra tù xin được trợ cấp nuôi con hàng tháng và thăm lại con hàng tuần. Nếu chị Thuý không nuôi được hai con thì có thể gửi một cháu về cho mẹ ruột của anh T nuôi dưỡng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự, quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không lý do là chưa chấp hành pháp luật, chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua xem xét nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, tại thời điểm thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại huyện X, nên đây là tranh về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc xét xử vắng mặt của đương sự: Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Th và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 151 ngày 12/12/2014, nên đây là quan hệ

hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Quá trình chung sống Chị Th và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T thường xuyên đánh đập xúc phạm Chị Th, còn nhiều lần sử dụng ma túy đá, sau khi đi cai nghiện ma túy về vẫn không thay đổi. Từ đó vợ chồng anh chị chung sống không hạnh phúc. Mặc dù vợ chồng nhiều lần tự hòa giải nhưng không thành. Từ tháng 08/2021 Chị Th đưa con về sinh sống với cha mẹ ruột tại xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vợ chồng chính thức ly thân, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Đối với anh T thời điểm chưa bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt, điều đó cho thấy bản thân anh không có thiện chí muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa Chị Th và anh T thể hiện: Anh T thường xuyên sử dụng ma túy đá, thường xuyên quậy phá trong gia đình, chính quyền địa phương can thiệp nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa Chị Th và anh T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần áp dụng Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Th.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Th và anh T có hai con chung là Nguyễn Hưng B, sinh ngày 26/6/2015 và Nguyễn Thị Thanh C, sinh ngày 04/12/2016. Xét thấy Chị Th hiện nay đang làm giáo viên trường Mầm non H ở xã H, thu nhập trung bình mỗi tháng 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Xét thấy anh T hiện nay đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc cho các con. Chị Th có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đồng thời anh T cũng có nguyện vọng giao hai con cho Chị Th nuôi dưỡng. Do vậy cần giao hai con chung cho Chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển toàn diện của các con theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của Chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Chị Th không yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị TH ly hôn anh Nguyễn T.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Hưng B, sinh ngày 26/6/2015 và Nguyễn Thị Thanh C, sinh ngày 04/12/2016 cho chị Trần Thị TH trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu Tòa án có thể xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị TH phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0010517 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc. Chị Th đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện X;
- CCTHA Dân sự huyện X;
- UBND xã HB, huyện X;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thảo Sương